TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 27/3/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Phan

2. Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký TAND huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2017/TLST - HNGĐ ngày 25/12/2017 về việc Ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - DS ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ph Th A – Sinh năm 1994(Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Tr Ch, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Ngọc Chúc 2, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh L Đ H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Tr Ch, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Ph Th A nộp ngày 14/01/2018 và quá trình giải quyết chị An trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L Đ H xây dựng hạnh phúc gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới ngày 11/12/2013, đăng kí kết hôn tại UBND xã Tr Ch, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/7/2014. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh H chơi bời theo gái và nghiện ma túy đá không quan tâm đến vợ con. Chị có khuyên ngăn anh nhưng không được, vì thế cuộc sống vợ chồng mâu

thuẫn nặng nề. Tháng 9 năm 2014 chị mang con về nhà mẹ đẻ sống. Chị và anh H sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân giai đoạn đầu chị mang theo con đi làm tại Hà Nội, anh H có ra tìm gặp nhưng tình cảm vợ chồng được không cải thiện. Từ năm 2016 đến nay hai bên không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng đến nay không còn gì, mâu thuẫn đã căng thẳng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2018, bị đơn L Đ H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Ph Th A xây dựng gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Tr Ch ngày 09/7/2014. Sau cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tới giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và cách sống không hợp nhau, mỗi người mỗi ý trong công việc hàng ngày. Vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gây căng thẳng trong cuộc sống hiện tại. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh vẫn thỉnh thoảng liên lạc nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không còn quan hệ sinh lý từ tháng 7 năm 2016. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh thống nhất ly hôn với chị A.

Về con chung: Chị A và anh H thống nhất trình bầy vợ chồng có 01 con chung là L Đ H A, sinh ngày 05/8/2014. Hiện đang ở với chị A.

Nguyện vọng của chị A xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Nguyện vọng của anh H xin được nuôi con và không cần chị A cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A và anh H trình bầy vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị A vắng mặt, anh H xin ly hôn và xin được nuôi con.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận chị Ph Th A được ly hôn anh L Đ H. Về con chung: Giao cháu L Đ H A, cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung chị An không yêu cầu. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị A phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N C thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị A và anh H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị A có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

*{2}*Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh H chơi bời theo gái, có sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: chị A, anh H sống ly thân đã 3 năm, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị A đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị A xin ly hôn, về phía anh H cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị A và anh H đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Là người bố người mẹ, ai cũng muốn được nuôi con, đó là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi, phải căn cứ vào khả năng, điều kiện kinh tế của mỗi bên, xem xét đến môi trường sống, môi trường học tập dạy dỗ, tâm sinh lý của con trẻ. Điều cốt yếu làm sao con trẻ có được một cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để phát triển về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Xét thấy, hai bên đều kê khai có thu nhập đủ để nuôi con. Tuy nhiên, cháu L Đ H A mới được 3 năm 6 tháng tuổi. Độ tuổi còn rất nhỏ, nên rất cần hơi ấm tình thương, sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Anh H đi làm xa, mối quan hệ xã hội phức tạp, điều kiện chăm sóc sẽ khó khăn, môi trường sống không tốt bằng chị A. Mặt khác cháu H A cần có sự ổn định về chỗ ở, tránh xáo trộn về tâm lý con trẻ. Do vậy, giao con cho chị An trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con trẻ và người phụ nữ sau khi ly hôn.

Về tài sản và công nợ chung: Chị An và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị A làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh chị Ph Th A được ly hôn anh L Đ H.

Về con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu L Đ H A, sinh ngày 05/8/2014. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Ph Th A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006545 ngày 25/12/2017. Chấp nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bị đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. Xã Tr Ch;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hữu Thắng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09** /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 27/3/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

3. Ông Đỗ Ngọc Phan

4. Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký TAND huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2017/TLST - HNGĐ ngày 25/12/2017 về việc Ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - DS ngày 13/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị An – Sinh năm 1994(Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Ngọc Chúc 2, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức Hải, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Phạm Thúy An nộp ngày 14/01/2018 và quá trình giải quyết chị An trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đức Hải xây dựng hạnh phúc gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới ngày 11/12/2013, đăng kí kết hôn tại UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/7/2014. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mau thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Hải chơi bời theo gái và nghiện ma túy

đá không quan tâm đến vợ con. Chị có khuyên ngăn anh nhưng không được, vì thế cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nặng nề. Tháng 9 năm 2014 chị mang con về nhà mẹ đẻ sống. Chị và anh Hải sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân giai đoạn đầu chị mang theo con đi làm tại Hà Nội, anh Hải có ra tìm gặp nhưng tình cảm vợ chồng được không cải thiện. Từ năm 2016 đến nay hai bên không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng đến nay không còn gì, mâu thuẫn đã căng thẳng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Hải được ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2018, bị đơn Lê Đức Hải trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thúy An xây dựng gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Trung Chính ngày 09/7/2014. Sau cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tới giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và cách sống không hợp nhau, mỗi người mỗi ý trong công việc hàng ngày. Vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gây căng thẳng trong cuộc sống hiện tại. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh vẫn thỉnh thoảng liên lạc nhưng tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không còn quan hệ sinh lý từ tháng 7 năm 2016. Hiện nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh thống nhất ly hôn với chị An.

Về con chung: Chị An và anh Hải thống nhất trình bầy vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức Hoàng Anh, sinh ngày 05/8/2014. Hiện đang ở với chị An.

Nguyện vọng của chị An xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng.

Nguyện vọng của anh Hải xin được nuôi con và không cần chị An cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị An và anh Hải trình bầy vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị An vắng mặt, anh Hải xin ly hôn và xin được nuôi con.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận chị Phạm Thúy An được ly hôn anh Lê Đức Hải. Về con chung: Giao cháu Lê Đức Hoàng Anh, cho chị An trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con chung chị An không yêu cầu. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị An phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị An và anh Hải là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị An có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

*{2}*Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị An và anh Hải là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Hải chơi bời theo gái, có sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: chị An, anh Hải sống ly thân đã 3 năm, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Hải và chị An đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị An xin ly hôn, về phía anh Hải cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị An và anh Hải đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Là người bố người mẹ, ai cũng muốn được nuôi con, đó là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi, phải căn cứ vào khả năng, điều kiện kinh tế của mỗi bên, xem xét đến môi trường sống, môi trường học tập dạy dỗ, tâm sinh lý của con trẻ. Điều cốt yếu làm sao con trẻ có được một cuộc sống ổn định, đủ điều kiện để phát triển về thể chất, tinh thần và trí tuệ. Xét thấy, hai bên đều kê khai có thu nhập đủ để nuôi con. Tuy nhiên, cháu Lê Đức Hoàng Anh mới được 3 năm 6 tháng tuổi. Độ tuổi còn rất nhỏ, nên rất cần hơi ấm tình thương, sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Anh Hải đi làm xa, mối quan hệ xã hội phức tạp, điều kiện chăm sóc sẽ khó khăn, môi trường sống không tốt bằng chị An. Mặt khác cháu Hoàng Anh cần có sự ổn định về chỗ ở, tránh xáo trộn về tâm lý con trẻ. Do vậy, giao con cho chị An trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con trẻ và người phụ nữ sau khi ly hôn.

Về tài sản và công nợ chung: Chị An và anh Hải không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị An làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh chị Phạm Thúy An được ly hôn anh Lê Đức Hải.

Về con chung: Giao cho chị An trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức Hoàng Anh, sinh ngày 05/8/2014. Chị An không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hải có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thúy An phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006545 ngày 25/12/2017. Chấp nhận chị An đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bị đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. Xã Trung Chính ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIấN TềA

Phạm Hữu Thắng

héi ®ảng xĐt xö

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đức Thuận **Đỗ Ngọc Phan** **Phạm Hữu Thắng**

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. Xã Trung Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

H□I □□NG X□T X□
H□I THỘM NHÂN DÂN

THỘM PH□N — CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiến **Lê Thị Dệt** **Phạm Hữu Thắng**